

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS -ST  
Ngày: 12/5/2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng gửi  
tiền*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Tấn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Thanh Miên

Ông Hoàng Thanh Nam

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gửi tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST - DS ngày 06 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 26/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Ng, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Công ty HD (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị Hồng D, sinh năm 1975

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Trọng H, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

+ Bà Mai Thị Hồng D, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

+ Ông Lê Viết M, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:*

Do quen biết với gia đình bà D và ông H nên vợ chồng bà có cho bà D và ông H vay tiền nhiều lần để sản xuất, chế biến mủ cao su và hạt điều xuất khẩu, tổng số tiền vay 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 21/01/2018 vợ chồng bà có cho bà D, ông H vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

Lần 2: Vào ngày 04/5/2018 vợ chồng bà có cho bà D, ông H vay số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng);

Lần 3: Vào ngày 29/6/2018 vợ chồng bà có cho bà D, ông H vay số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Khi vay tiền bà D và ông H lập giấy “Giấy nhận tiền ký gửi” và có đóng dấu của công ty HD do bà D là người đại diện theo pháp luật, trong đó thể hiện số tiền vay, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,1%/tháng/triệu, thời hạn vay bà D và ông H cam kết khi nào bà Ng, ông M cần tiền sẽ báo trước cho bà D, ông H thời gian khoảng 03 ngày thì công ty sẽ trả đầy đủ số tiền gốc cũng như lãi suất theo thỏa thuận. Đến ngày 16/7/2018, do cần tiền giải quyết việc gia đình nên bà Ng, ông M đến nhà bà D, ông H để lấy lại số tiền đã cho vay là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và lãi suất thì ông H, bà D đồng ý trả nhưng không thỏa thuận thời gian trả và hiện tại ông H, bà D thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không thanh toán khoản nợ trên cho bà N, ông M.

Nay bà Bùi Thị Ng khởi kiện yêu cầu Công ty HM có trách nhiệm liên đới với bà Mai Thị Hồng D và ông Lê Trọng H trả cho bà Bùi Thị Ng, ông Lê Viết M số tiền số tiền đã ký gửi là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi của khoản vay trên.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

*- Bị đơn công ty HM – người đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Hoàng D, ông Lê Trọng H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.*

- Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty HM có trách nhiệm liên đới với bà Mai Thị Hồng D và ông Lê Trọng H trả cho bà Bùi Thị Ng, ông Lê Viết M số tiền đã ký gửi là 600.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Hoàng D và ông Lê Trọng H. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Mai Thị Hồng D và ông Lê Trọng H liên đới trả cho bà Bùi Thị N, ông Lê Viết M số tiền đã ký gửi là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Về án phí buộc bà Mai Thị Hồng D, ông Lê Trọng H phải chịu theo quy định.

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy, đây là vụ kiện dân sự “Tranh chấp hợp đồng gửi tiền” do bà Bùi Thị Ngừng thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện công ty HM có địa chỉ tại: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Hoàng D, ông Lê Trọng H đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Diễm, ông Hoàng.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Giữa bà Bùi Thị Ng với bị đơn Công ty HD (gọi tắt Công ty HD), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Hồng D, ông Lê Trọng H có ký kết Giấy nhận tiền gửi, theo đó:

Công ty HD – người đại diện theo pháp luật bà Mai Thị Hồng D và ông Lê Trọng H ký nhận tiền gửi với bà Bùi Thị N 03 lần vào các ngày 21/01/2018 số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 04/5/2018 số tiền 270.000.000đ; Ngày 29/6/2018 số tiền 130.000.000đ để kinh doanh, lãi suất 1,1%/tháng/triệu với cam kết khi nào bà Ng, ông M cần lấy số tiền trên thì báo trước 03 ngày, công ty sẽ hoàn trả đầy đủ.

Tuy nhiên, ngày 16/7/2018 bà N cần tiền để giải quyết việc gia đình nên có báo cho người đại diện theo pháp luật của công ty để thanh toán tiền cho bà nhưng cho đến nay bà N, ông M vẫn không nhận được số tiền đã cho vay cũng như lãi suất của khoản vay trên, vi phạm thỏa thuận trong “giấy nhận tiền ký gởi”. Do đó, việc khởi kiện của bà Bùi Thị N là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc Công ty HD có trách nhiệm liên đới với bà Mai Thị Hồng D và ông Lê Trọng H trả cho bà Bùi Thị N, ông Lê Viết M số tiền gốc vay là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2021, cụ thể:

+ Đối với khoản vay ngày 21/01/2018 số tiền 200.000.000đ, lãi phát sinh từ ngày 21/01/2018 đến ngày 12/5/2021:  $(200.000.000đ \times 1,1\%/tháng \times (03 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 21 \text{ ngày})) = 87.340.000 \text{ đồng}$

+ Đối với khoản vay ngày 04/5/2018 số tiền 270.000.000đ, lãi phát sinh từ ngày 04/5/2018 đến ngày 12/5/2021:  $(270.000.000đ \times 1,1\%/tháng \times (03 \text{ năm } 08 \text{ ngày})) = 107.712.000 \text{ đồng}$ .

+ Đối với khoản vay ngày 29/6/2018 số tiền 130.000.000đ, lãi phát sinh từ ngày 29/6/2018 đến ngày 12/5/2021:  $(130.000.000đ \times 1,1\%/tháng \times (02 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 13 \text{ ngày})) = 49.239.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, số tiền nợ Công ty Hoàng D, ông H, bà D liên đới phải trả cho bà Ng, ông M tiền gốc 600.000.000 đồng, lãi 244.291.000 đồng. Tổng cộng 844.291.000 đồng.

[3] Về án phí: Công ty HD và bà Mai Thị Hồng D, ông Lê Trọng H liên đới phải chịu 37.927.800 đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện P là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27, khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị N.

Buộc Công ty HD, bà Mai Thị Hồng D, ông Lê Trọng H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Bùi Thị Ng, ông Lê Viết M số tiền nợ gốc 600.000.000đ, lãi 244.291.000 đồng. Tổng cộng 844.291.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi một nghìn đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

[2] Về án phí: Công ty HD và bà Mai Thị Hồng D, ông Lê Trọng H liên đới phải chịu 37.927.800 đồng (*Ba mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Ng số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012090, quyền số 0242 ngày 21/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THA huyện P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Đỗ Tấn Trường**